

Bản án số: 109/2024/DS - PT

Ngày 22 - 7 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Lục

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 220/TB -TA ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái C, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Trung D
– Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1971 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1976 (chết ngày 05/10/2023)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số G, đường N, Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc T1:

- Bà Nguyễn Thị Thu V1, sinh năm 1978 (xin giải quyết vắng mặt)
- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 (vắng mặt)
- Chị Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2004 (xin giải quyết vắng mặt)
- Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2001 (xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thái C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn C1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 02/5/2020, ông Nguyễn Thái C có vay của bà Lê Thị V số tiền là 1.500.000.000 đồng, lãi suất vay là 2,5%/tháng, hứa thời hạn trả là vào ngày 02/8/2020, khi vay tiền thì ông C có viết biên nhận nợ cho bà V. Số tiền trên ông Công nhận trực tiếp 01 lần và do bà V giao trực tiếp cho ông C, đây là tiền cá nhân của bà V, không liên quan đến ông Huỳnh Ngọc T (chồng bà V). Quá trình vay, ông C không có trả gốc và lãi cho bà V. Khi đến thời hạn trả nợ, bà V đã nhiều lần yêu cầu ông C trả số tiền trên nhưng ông C không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Nay bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thái C phải trả số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/5/2020 đến ngày 19/9/2023 (3 năm 4 tháng 17 ngày) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 1.010.110.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Lê Thị V yêu cầu ông Nguyễn Thái C phải trả là 2.510.110.000 đồng.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thái C và trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Trung D là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Do giữa vợ chồng bà Lê Thị V, ông Huỳnh Ngọc T với ông Nguyễn Thái C, ông Nguyễn Ngọc T1 quen biết nhau qua làm ăn nên vào ngày 02/5/2020, ông Nguyễn Ngọc T1 có nhờ ông Nguyễn Thái C vay tiền của vợ chồng ông T, bà V số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là mua cát đá làm công trình ở tỉnh Sóc Trăng và tỉnh An Giang. Ông C có đến gặp ông T và bà V để hỏi vay giùm ông T1. Lúc này ông T có điện thoại trao đổi với ông T1 để xác minh việc ông T1 có làm công trình ở An Giang hay không và ông T có đến tỉnh An Giang gặp ông T1 để xác minh xem ông T1 có làm công trình hay không mới cho ông T1 vay số tiền trên. Sau khi ông T đi xác minh xong thì ông T và bà V đồng ý cho ông T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất là 5%/tháng, do ông T1 không có ở Trà Vinh nên không thể viết biên nhận cho ông T nên ông T yêu cầu ông C phải viết biên nhận thì ông T mới cho ông T1 vay tiền và chuyển tiền cho ông T1. Do ông C cũng muốn ông T1 vay tiền của ông T để làm công trình có tiền trả nợ cho ông C, vì lúc này ông T1 có nợ tiền của ông C (số tiền trên

8 tỷ). Ông C có điện thoại cho ông T1 nói rõ việc ông C viết biên nhận vay 1.500.000.000 đồng giùm cho ông T1 và ông C có yêu cầu sau khi ông T1 nhận tiền của ông T thì ông T1 phải có nghĩa vụ viết biên nhận lại cho ông C và ông T1 có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi 5%/tháng cho ông T thì ông T1 đồng ý nên ông C viết biên nhận giùm ông T1 có nội dung có mượn của bà V 1.500.000.000 đồng vào ngày 02/5/2020. Sau khi ông C viết biên nhận cho bà V xong thì ông T chuyển khoản cho ông T1 cụ thể như sau: ngày 05/5/2020, ông T chuyển tiền cho ông T1 03 lần là 200.000.000 đồng, 300.000.000 đồng và 300.000.000 đồng. Đến ngày 06/5/2020, ông T chuyển cho ông T1 là 200.000.000 đồng và ngày 06/5/2020, ông T chuyển tiền cho ông C là 500.000.000 đồng (số tiền ông T chuyển cho ông C, là do ông T1 nhờ ông T chuyển cho ông C để ông C đi trả tiền cát dùm cho ông T1. Lý do ông C viết biên nhận ngày 02/5/2020 nhưng đến ngày 05/5/2020 ông T mới chuyển tiền là do ông T yêu cầu là đi xác minh xem ông T1 có làm công trình không mới chuyển tiền cho ông T1.

Quá trình vay thì ông C và ông T1 không có trả gốc cho bà V nhưng ông T1 có đưa tiền cho ông C đóng lãi giùm ông T1 được 05 tháng tại nhà của bà V số tiền lãi là 375.000.000 đồng. Khi ông C đóng tiền lãi cho bà V thì không có làm biên nhận gì. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái C phải trả số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 1.010.110.000 đồng thì ông C không đồng ý vì số tiền này ông C vay giùm ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày: Ông T1 thừa nhận có nhờ ông Nguyễn Thái C vay số tiền 1.500.000.000 đồng của bà V và ông T dùm cho ông T1. Số tiền này ông T đã chuyển khoản cho ông T1 nhận 1.000.000.000 đồng và chuyển khoản cho ông Công nhận 500.000.000 đồng. Nay bà V yêu cầu ông Nguyễn Thái C trả số tiền 1.500.000.000 đồng, ông T1 không đồng ý trả số tiền trên vì giữa ông T1 và ông T có nhiều giao dịch chưa đối chiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Anh là chồng của bà Lê Thị V, số tiền 1.500.000.000 đồng là tiền của vợ anh cho ông C vay, không phải tiền của anh. Còn số tiền anh chuyển khoản cho ông T1, ông C là giao dịch khác, không liên quan đến số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị V.

Buộc ông Nguyễn Thái C phải trả cho bà Lê Thị V số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 505.055.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi ông C phải trả cho bà V là 2.005.055.000 đồng (Hai tỷ không trăm lẽ năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Thái C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy bản án sơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị V không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Thái C giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Bị đơn ông Nguyễn Thái C thừa nhận có ghi biên nhận mượn tiền của bà V số tiền 1.500.000.000 đồng nhưng số tiền này là ông Công mượn dùm cho ông Nguyễn Ngọc T1, ông T1 cũng thừa nhận việc này. Số tiền ông C làm biên nhận này chính là số tiền ông Huỳnh Ngọc T chuyển khoản cho ông T1 hai lần tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, chuyển khoản cho ông C số tiền 500.000.000 đồng. Việc ông T cho rằng số tiền ông T chuyển khoản cho ông T1, ông C không có liên quan đến số tiền ông C làm biên nhận cho bà V mà là giao dịch riêng giữa ông T với ông T1, ông C là không hợp lý. Bởi vì lời khai của ông T trước sau mâu thuẫn nhau. Đối với lời khai của bà V về nguồn gốc số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông Công mượn không thống nhất nhau, lúc thì cho rằng một phần trong số tiền trên là bà V mượn của người khác không nhớ là ai, lúc thì cho rằng mượn của em gái. Do đó, việc ông C cho rằng số tiền ông C làm biên nhận cho bà V chính là số tiền ông T chuyển khoản cho ông T1, ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Ngày 02/5/2020 ông Nguyễn Thái C có làm biên nhận mượn tiền của bà Lê Thị V số tiền 1.500.000.000 đồng, ông C thừa nhận biên nhận trên là do anh viết và ký tên. Ông C cho rằng số tiền trên là ông C vay dùm cho ông Nguyễn Ngọc T1 nhưng bà V cho rằng không có việc này. Đối với số tiền ông Huỳnh Ngọc T chuyển khoản cho ông T1 hai lần tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, chuyển khoản cho ông C số tiền 500.000.000 đồng, ông T cho rằng đây là giao dịch riêng giữa ông T với ông T1, ông C không có liên quan gì đến số tiền ông C vay của bà V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc T1 gồm bà Nguyễn Thị Thu V1, chị Nguyễn Ngọc T2, anh Nguyễn Ngọc

T3 vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn L vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Ông Nguyễn Thái C cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà ông làm biên nhận với bà Lê Thị V vào ngày 02/5/2020 là ông vay dùm cho ông Nguyễn Ngọc T1, ngày ông làm biên nhận bà V không có giao số tiền trên cho ông mà số tiền này sau đó ông Huỳnh Ngọc T chuyển khoản cho ông T1 số tiền 1.000.000.000 đồng, chuyển khoản cho ông C 500.000.000 đồng. Còn bà Lê Thị V cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng này là tiền của cá nhân bà V, không liên quan gì đến chồng bà là ông T; vào ngày 02/5/2020 khi ông C làm biên nhận bà đã giao đủ số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông C. Ông Huỳnh Ngọc T cũng cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà ông C làm biên nhận với bà V là tiền riêng của vợ ông là bà V, không liên quan đến ông; còn số tiền ông chuyển khoản cho ông T1, ông C là giao dịch khác giữa ông với ông T1, ông C. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên nhận nợ đề ngày 02/5/2020 thể hiện nội dung ông C có mượn tiền của bà V số tiền 1.500.000.000 đồng, ông C cũng thừa nhận biên nhận nợ trên là do ông viết. Việc ông C, ông T1 cho rằng số tiền ông T chuyển khoản cho ông T1 1.000.000.000 đồng, cho ông C 500.000.000 đồng là số tiền 1.500.000.000 đồng mà ông C làm biên nhận cho bà V vào ngày 02/5/2020 nhưng ông C, ông T1 không có chứng cứ gì chứng minh; trong khi đó ông T, bà V không thừa nhận và ông T cho rằng số tiền ông T chuyển khoản cho ông T1, ông C là giao dịch riêng giữa ông T với ông T1, ông C, không liên quan đến số tiền bà V cho ông C vay. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng và lãi phát sinh cho bà V là có cơ sở chấp nhận, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thái C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị V.

Buộc ông Nguyễn Thái C phải trả cho bà Lê Thị V số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 505.055.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi ông C phải trả cho bà V là 2.005.055.000 đồng (Hai tỷ không trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Thái C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu số 0019083 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, ông C không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng

